TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 122/2019/QĐST-HNGĐ	*Hậu Lộc, ngày 18 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:171/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1975

và chị Đinh Thị H, sinh năm 1980

Đều có địa chỉ: thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về hôn nhân*: Anh Hoàng Văn L và chị Đinh Thị H kết hôn với nhau năm 1999 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã Ng, huyện L cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận được 10 năm thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm và do làm ăn thua lỗ nên dẫn tới cải nhau và sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, tình cảm ngày càng dạn nứt, không ai quan tâm đến nhau, do đó hai người xét thấy mâu thuẩn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn L và chị Đinh Thị H.

[2]. *Về con chung*: Anh Hoàng Văn L và chị Đinh Thị H đều thống nhất có ba con chung là Hoàng Thị H, sinh ngày 02/10/1999, Hoàng Văn D, sinh ngày 12/7/2003 và Hoàng Thị H, sinh ngày 15/6/2005.

Hai bên thống nhất và thỏa thuận cháu Hoàng Thị H đã đủ tuổi trưởng thành, tự lo cho mình được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn D cho đến khi cháu D đủ tuổi trưởng thành.

Chị Đinh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị H cho đến khi cháu H đủ tuổi trưởng thành. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Xét việc thỏa thuận của anh L và chị H về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3]. *Về tài sản và công nợ chung*: Anh L, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đây là sự tự nguyện của hai bên nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[4]. *Về lệ phí*: Anh L, chị H thỏa thuận mỗi người chịu ½ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Xét đây là sự tự nguyện của hai bên nên chấp nhận.

[5].Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn L và chị Đinh Thị H.

- *Về con chung*: Anh Hoàng Văn L và chị Đinh Thị H có ba con chung là Hoàng Thị H, sinh ngày 02/10/1999, Hoàng Văn D, sinh ngày 12/7/2003 và Hoàng Thị H, sinh ngày 15/6/2005.

Hai bên thống nhất và thỏa thuận cháu Hoàng Thị H đã đủ tuổi trưởng thành, tự lo cho mình được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn D cho đến khi cháu D đủ tuổi thành niên.

Chị Đinh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị H cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên.

Hai bên có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ*: Anh L, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh L và chị H. Anh Hoàng Văn L chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, chị Đinh Thị H chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0005588 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Thanh Hóa. (Anh L, chị H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện L;*
- *Chi cục THADS huyện L;*
- *UBND xã Ng, xã M.*
- *Đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Thị Nga

Mẫu số 31-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1] **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……../……./QĐST-HNGĐ[2]	*……., ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Căn cứ[3]……. Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ[4]…….. Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số…../…../TLST-HNGĐ[5] ngày ….tháng …..năm….. về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*[6].....

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*[7].....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[8]

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

2. Về lệ phí Tòa án:

.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].